

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 20/2022/DS-ST

Ngày: 08/4/2022

V/v: “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước;
2. Ông Hà Văn Châu;

Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng H

Địa chỉ: Tòa nhà N04, HDT, phường TH, quận CG, thành phố HN

Người đại diện theo ủy Q: Ông Lê Duy H, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Số 649 đường Quốc Lộ 1A, phường H, thành phố S, tỉnh S (theo văn bản thông báo về việc phân công người tham gia giải quyết vụ án số 48/TB-NHHT.ST ngày 25/01/2022)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm WP, phường VP, thị xã VC, tỉnh S;

- *Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1978 (vắng

mặt)

Địa chỉ: Khóm WP, phường VP, thị xã VC, tỉnh S;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 6 năm 2021 của nguyên đơn Ngân hàng H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn ông Lê Duy H như sau:

Ngày 31/01/2019, bà Nguyễn Thị D có vay của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – chi nhánh Sóc Trăng (viết tắt Ngân hàng) tại Hợp đồng cho vay số 038.2419TE060/HĐCV với số tiền vay 100.000.000 đồng; Thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 31/01/2019 đến ngày 31/01/2024); trả gốc và lãi vào ngày 15 hàng tháng; ngày bắt đầu trả nợ 15/02/2019, ngày trả nợ cuối cùng 31/01/2024; Mục đích sử dụng vốn: Sinh hoạt gia đình; Lãi suất cho vay 10,56%/năm, Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Kể từ ngày vay cho đến nay bà Nguyễn Thị D đã trả được 32.458.000 đồng nợ gốc và tiền lãi là: 17.598.773 đồng. Tổng dư nợ gốc và lãi còn lại theo hợp đồng tín dụng số 038.2419TE060/HĐCV ngày 31/01/2019 là 70.668.547 đồng; trong đó nợ gốc là 67.542.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 16/6/2021 là: 3.126.547 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn Ngân hàng H là ông Lê Duy H yêu cầu Tòa giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Trọng Q phải thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số 038.2419TE060/HĐCV ngày 31/01/2019 cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam với tổng số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 08/4/2022 là 66.435.555 đồng (trong đó nợ gốc là 65.845.006 đồng và tiền lãi là: 590.549 đồng) và tiếp tục chịu lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà D và ông Q thanh toán một phần hoặc không thanh toán vốn gốc và lãi thì Ngân hàng được Q yêu cầu cơ quan có thẩm Q xử lý theo các quy định của pháp luật để Ngân hàng thu hồi nợ vay.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị D từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng Q từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm

Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng Q đã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền: Ngân hàng H khởi kiện bà Nguyễn Thị D. Bà D thường trú tại: Khóm WP, phường VP, thị xã VC, tỉnh S nhưng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trường hợp hai bên xảy ra tranh chấp không giải quyết được sẽ khởi kiện nơi có trụ sở của nguyên đơn nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn bà Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng Q được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng Q vẫn vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án và xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị D và người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng Q.

Về nội dung:

[3]. Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay số 038.2419TE060/HĐCV, ngày 31/01/2019 Ngân hàng H ủy quyền cho Ngân hàng H - Chi nhánh ST ký kết hợp đồng cho vay với bà Nguyễn Thị D. Các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc nên nội dung hợp đồng là hợp pháp.

[4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng Q liên đới trả số tiền vốn là

65.845.006 đồng. Thấy rằng, tại hợp đồng cho vay số 038.2419TE060/HĐCV, ngày 31/01/2019 thì phía Ngân hàng H - Chi nhánh ST với bà Nguyễn Thị D thỏa thuận Ngân hàng cho bà D vay với số tiền 100.000.000 đồng, phương thức vay từng lần, thời hạn cho vay 05 năm, khoản vay không có đảm bảo bằng tài sản. Theo hợp đồng cho vay số 038.2419TE060/HĐCV, ngày 31/01/2019 trên thì bà Nguyễn Thị D đã nhận số tiền vay 100.000.000 đồng thể hiện qua giấy nhận nợ ngày 01/02/2019; phương án sử dụng vốn và cam kết trả nợ ngày 25/01/2019. Tuy nhiên trong quá trình vay vốn bà D không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả tiền vốn theo hợp đồng đã ký, bà D chỉ trả được số tiền gốc là 34.154.994 đồng còn nợ lại tiền gốc là 65.845.006 đồng. Do bà D vi phạm nghĩa vụ trả vốn theo thỏa thuận trong hợp đồng nên phía Ngân hàng yêu cầu buộc bà D phải trả lại toàn bộ số tiền vốn vay còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng Q liên đới trả số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 09/3/2022 đến ngày 08/4/2022 là 590.549 đồng. Thấy rằng, tại Điều 2 của hợp đồng cho vay số 038.2419TE060/HĐCV, ngày 31/01/2019 các bên thỏa thuận về lãi suất cho vay là 10,56%/năm và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trong quá trình vay vốn bà D đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi số tiền là 25.901.779 đồng. Như vậy bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận tại Điều 4 trong hợp đồng cho vay, nên phía Ngân hàng yêu cầu trả lãi trong hạn từ ngày 09/3/2022 đến ngày 08/4/2022 là 590.549 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[6]. Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 09/4/2022 đến khi bà D trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà hôm nay là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ: Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng Q liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng H số tiền gốc vay còn nợ là **65.845.006** đồng và tiền lãi trong hạn là **590.549** đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 66.435.555 đồng.

Kể từ ngày 09/4/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 038.2419TE060/HĐCV, ngày 31/01/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Trọng Q liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.321.778 đồng.

- Ngân hàng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.766.500 đồng theo biên lai số 0000158 ngày 23/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lý Bích Khiêm

